



Số: 407 - 2025/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 746
Ngày: 13/11/2025
Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể chứa NMN Đông Bắc Sông Cầu
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 43B05/25
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 03/11/2025
- Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 03/11/2025 đến ngày 12/11/2025
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
1	Mùi	-	SMEWW 2150:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
2	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6,0 - 8,5	6,63
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2023	2	0,43
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	< LOQ = 0,035
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN 6194:1996	250	17,51
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	14,66
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN 6178:1996	0,9	KPH (LOQ = 0,005)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN 6185C:2015	15	< LOQ = 3,78
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW 2540C:2023	1000	97
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	11	3,08
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	5,20
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN 6002:1995	0,1	0,06
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	< LOQ = 0,55
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	1	0,02
15	Clo tự do (*)	mg/l	TCVN 6225-2:2021	0,2 - 1,0	0,73
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TÔNG GIÁM ĐỐC

P. PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



Ghi chú:

Nguyễn Tấn Thuận

Võ Bá Duy Huân

Trần Quang Vinh

- (*)Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KHKT.02.02

Ban hành lần 06

Ngày ban hành: 15/07/2024



Số: 408 - 2025/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 746
Ngày: 13/11/2025
Trang: 1/1

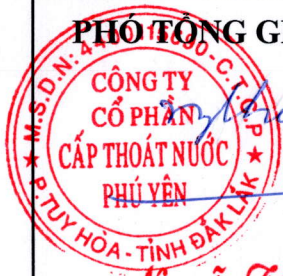
- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Tuyên Xuân Bình - NMN Đông Bắc Sông Cầu
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 44M₁05/25
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 03/11/2025
- Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 03/11/2025 đến ngày 12/11/2025
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
1	Mùi	-	SMEWW 2150:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
2	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6,0 - 8,5	6,54
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2023	2	0,97
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,04
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN 6194:1996	250	18,02
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	13,90
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN 6178:1996	0,9	KPH (LOQ = 0,005)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN 6185C:2015	15	6,95
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW 2540C:2023	1000	84
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	11	3,10
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	5,40
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN 6002:1995	0,1	0,04
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	0,55
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	1	KPH (LOQ = 0,01)
15	Clo tự do (*)	mg/l	TCVN 6225-2:2021	0,2 - 1,0	0,43
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TÔNG GIÁM ĐỐC

P. PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



Ghi chú: *Nguyễn Tấn Thuận*

Võ Bá Duy Huân
Võ Bá Duy Huân

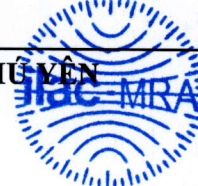
Trần Quang Vinh
Trần Quang Vinh

- (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KHKT.02.02

Ban hành lần 06

Ngày ban hành: 15/07/2024



VILAS 746

Số: 409 - 2025/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 13/11/2025

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Tuyến Xuân Hải - NMN Đông Bắc Sông Cầu
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 45M₂05/25
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 03/11/2025
- Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 03/11/2025 đến ngày 12/11/2025
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
1	Mùi	-	SMEWW 2150:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
2	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6,0 - 8,5	6,52
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2023	2	0,32
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN 6177:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,035)
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN 6194:1996	250	18,36
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	15,16
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN 6178:1996	0,9	KPH (LOQ = 0,005)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN 6185C:2015	15	KPH (LOQ = 3,78)
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW 2540C:2023	1000	91
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN 6180:1996	11	3,08
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	5,00
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN 6002:1995	0,1	0,04
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	< LOQ = 0,55
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	1	KPH (LOQ = 0,01)
15	Clo tự do (*)	mg/l	TCVN 6225-2:2021	0,2 - 1,0	0,44
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TÔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



Võ Bá Duy Huân

Trần Quang Vinh

Ghi chú: Nguyễn Tấn Thuận

- (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH: Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KHKT.02.02

Ban hành lần 06

Ngày ban hành: 15/07/2024